TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/DS -ST
Ngày: 05-8-2020
V/v tranh chấp "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc: "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2020/QĐST – HNGĐ ngày 21/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn M, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trương Ngọc H, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Văn M trình bày: Ông với bà Trương Ngọc H đã ly hôn theo quyết định số 219/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân Cai Lậy, theo đó về tài sản chung thì ông bà tự thỏa thuận. Sau khi ly hôn, vào ngày 23/9/2019 ông bà thỏa thuận để cho bà H toàn quyền sử dụng thửa đất số 387, tờ bản đồ 12, diện tích 122,3m^2 tại ấp B, xã T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, bà H phải giao cho ông số tiền 240.000.000 đồng. Việc này hai bên có yêu cầu Văn phòng Công chứng Cai Lậy lập văn bản vào ngày 04/10/2019.

Trong ngày 23/9/2019, bà H đã giao cho ông M 200.000.000 đồng còn lại 40.000.000 đồng hứa đến ngày 08/6/2020 sẽ giao đủ nhưng đến nay bà vẫn không thực hiện.

Nay ông yêu cầu bà Trương Ngọc H phải tiếp tục thực hiện văn bản thỏa thuận chia tài sản sau ly hôn đã lập ngày 04/10/2019, buộc bà H phải giao cho ông số tiền 40.000.000 đồng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Ngọc H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông M

về mối quan hệ hôn nhân, tài sản chung. Bà thừa nhận còn nợ ông M số tiền 40.000.000 đồng như văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, hiện nay bà đã đứng tên chủ quyền thửa đất số 387, tờ bản đồ 12, diện tích 122,3m^2 tại ấp B, xã T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông M bà có ý kiến như sau: Bà đồng ý trả cho ông M số tiền 40.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Vũ Văn M khởi kiện bị đơn bà Trương Ngọc H phải tiếp tục thực hiện văn bản thỏa thuận chia tài sản sau ly hôn đã lập ngày 04/10/2019, trả số tiền 40.000.000 đồng; bà H có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166 Bộ luật dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự "Đòi tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về yêu cầu của ông Vũ Văn M đòi bà Trương Ngọc H trả số tiền 40.000.000 đồng: Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa bà Trương Ngọc H thừa nhận sau khi ly hôn, vào ngày 23/9/2019 ông M và bà H thỏa thuận để cho bà H toàn quyền sử dụng thửa đất số 387, tờ bản đồ 12, diện tích 122,3m^2 tại ấp B, xã T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, bà H phải giao cho ông số tiền 240.000.000 đồng và trong ngày hôm đó, bà H đã giao cho ông M 200.000.000 đồng còn lại 40.000.000 đồng hứa đến ngày 08/6/2020 sẽ giao số tiền còn lại, hiện nay bà đã đứng tên chủ quyền đất. Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng M: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông M đòi bà H trả tiếp số tiền 40.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời gian thanh toán: Bà Trương Ngọc H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được ông Vũ Văn M chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy đáng lẽ ra bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 08/6/2020. Việc bà H kéo dài thời gian xin trả nợ gây thiệt thòi đến quyền lợi của ông M. Do đó yêu cầu xin trả dần của bà H là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M.

Buộc bà Trương Ngọc H phải tiếp tục thực hiện văn bản thỏa thuận chia tài sản sau ly hôn đã lập ngày 04/10/2019, bà H phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn M số tiền 40.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trương Ngọc H phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Vũ Văn M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005531 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 05 tháng 8 năm 2020.
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị H Ni.
Các Hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về: " Tranh chấp đòi tài sản" giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn M, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trương Ngọc H, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[(8)].

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M.

Buộc bà Trương Ngọc H phải tiếp tục thực hiện văn bản thỏa thuận chia tài sản sau ly hôn đã lập ngày 04/10/2019, bà H phải có trách nhiệm giao cho ông Vũ Văn M số tiền 40.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trương Ngọc H phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Vũ Văn M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005531 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 05 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*